

## TỜ TRÌNH SỐ 006

(V/v: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty)

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP KỸ NGHỆ LẠNH  
(SEAREFICO)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015;
- Căn cứ theo Điều lệ hiện hành của Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh (Searefico).

Hội đồng quản trị đã rà soát Điều lệ Công ty để cập nhật một số nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Trên cơ sở đó, HĐQT đề trình các nội dung cần sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh (Searefico) trong phụ lục đính kèm theo tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



NGUYỄN HỮU THỊNH

**PHỤ LỤC**  
**NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

*(Kèm theo Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty)*

**NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2014**

| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2) | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)   | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)   | Ghi chú<br>(5)                              |
|-----------|--------------------------------|--|--|---|
| 1         | Điều 1. Định nghĩa             |  |  |   |
|           | Khoản 1                        | b. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.   | b. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.  | Điều 111.1 Luật Doanh nghiệp 2014           |
|           |                                | c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật Doanh nghiệp (nếu có) tại từng thời điểm. | c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật Doanh nghiệp (nếu có) tại từng thời điểm. | Thay đổi số hiệu của Luật Doanh nghiệp 2014 |
| 2         | Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần   |  |  |   |

| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2) | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)   | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)   | Ghi chú<br>(5)                  |
|-----------|--------------------------------|--|--|---------------------------------|
|           | Khoản 6                        | <p>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc hoặc thời hạn khác theo quy định của pháp luật) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức bán đấu giá.</p> | <p>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo bằng văn bản việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc hoặc thời hạn khác theo quy định của pháp luật) để cổ đông có thể đăng ký mua. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Công ty phát hành. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Số cổ phần cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức bán đấu giá.</p> | Điều 124 Luật Doanh nghiệp 2014 |
|           | Khoản 7                        | <p>Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p>   | <p>Công ty có thể mua không quá 30% cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p>   | Điều 130 Luật Doanh nghiệp 2014 |
| 3         | Điều 6. Chứng chỉ              |  |  |                                 |

| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)                             | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)   | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)  | Ghi chú<br>(5)                      |
|-----------|--|--|---|-------------------------------------|
|           | <b>cổ phiếu</b>  |  |   |                                     |
|           | Khoản 1  | Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6. Trường hợp, Công ty không áp dụng hình thức chứng chỉ thì có thể áp dụng bút toán ghi sổ, theo đó các cổ đông sẽ được cấp sổ chứng nhận sở hữu cổ phần. | Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6. Trường hợp, Công ty không áp dụng hình thức chứng chỉ thì có thể áp dụng bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty, theo đó các cổ đông sẽ được cấp sổ chứng nhận sở hữu cổ phần. | Điều 120.1 Luật Doanh nghiệp 2014   |
|           | <b>Chương VI</b>   | <b>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG</b>  | <b>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG</b>   |                                     |
|           | <b>Điều 11. Quyền của cổ đông</b>                          |  |   |                                     |
| 4         | Khoản 1  | Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.   | Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.  | Điều 4.2 Luật Doanh nghiệp 2014     |
|           | Khoản 2: Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: |  |   |                                     |
|           |  | e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;  | e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;   | Điều 114.1.đ Luật Doanh nghiệp 2014 |
|           |  | g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận   | g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được   | Điều 114.1.g Luật                   |

| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)  | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)   | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)   | Ghi chú<br>(5)   |
|-----------|---|--|--|--|
|           |   | một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật;   | nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật;  | Doanh nghiệp 2014  |
|           |   | h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;   | h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp;  | Điều 129 Luật Doanh nghiệp 2014. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông  |
|           | Khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 8% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau: | b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;   | b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;   | Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014. Quyền của cổ đông phổ thông<br>Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông |
|           | <b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b>  |  |  |  |
| 5         | Khoản 1   | Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa | Điều 136.1 Luật Doanh nghiệp 2014  |



| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)  | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)   | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)   | Ghi chú<br>(5)                    |
|-----------|---|--|--|-----------------------------------|
|           |   |  | điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.   | Điều 136.2 Luật Doanh nghiệp 2014 |
|           | Khoản 2   | Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. | Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:<br>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;<br>b. Báo cáo tài chính hàng năm;<br>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;<br>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;<br>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;<br>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;<br>g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. | Điều 136.2 Luật Doanh nghiệp 2014 |
|           | Khoản 3: HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: |  |  |                                   |
|           |   | c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số   | c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít   | Điều 136.3 Luật Doanh nghiệp 2014 |



| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)                         | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)  | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)   | Ghi chú<br>(5)   |
|-----------|--|---|--|--|
|           |  | thành viên quy định trong Điều lệ;  | hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;  |  |
|           |  | e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;   | e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;  | Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2014. Trách nhiệm của người quản lý công ty   |
|           | Khoản 4: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường |   |  |  |
|           |  | b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.   | b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.   |  |
|           |  | c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết. | c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. | Điều 136.6 Luật Doanh nghiệp 2014 đã bỏ nội dung “Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.” |

| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)  | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)  | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)   | Ghi chú<br>(5)                      |
|-----------|---|---|--|-------------------------------------|
| 6         | <b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>  |   |  |                                     |
|           | Khoản 2: Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:  | e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát  | e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;   | Điều 135.2.c Luật Doanh nghiệp 2014 |
|           |   | g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;  | g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty (trừ trường hợp điều chỉnh VDL do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty); |                                     |
|           |   | l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;  | l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;                          | 135.2.d Luật Doanh nghiệp 2014      |
|           |   | m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;  | m. Công ty mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;  | Điều 135.2.g Luật Doanh nghiệp 2014 |
|           | o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; | o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; |  |                                     |



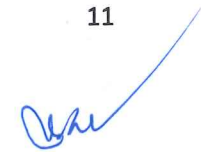
| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)   | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)  | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)  | Ghi chú<br>(5)                    |
|-----------|--|---|---|-----------------------------------|
|           | Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông |   |   |                                   |
| 7         | Khoản 3  | <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên website của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên website của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ website để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> | <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên website của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên website của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ website để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> | Điều 139.1 Luật Doanh nghiệp 2014 |
|           | Khoản 4  | <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>   | <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ hoặc thông tin tương đương, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>  | Điều 138.2 Luật Doanh nghiệp 2014 |

| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)  | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)  | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)   | Ghi chú<br>(5)  |
|-----------|---|---|--|---|
| 9         | <p><b>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Khoản 6</p> | <p>Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.</p> | <p>Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ hoặc (d) các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết. Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.</p> | <p>Bổ sung thêm trường hợp được hoãn quy định tại Điều 142.8.b Luật Doanh nghiệp 2014</p> |
| 10        | <p><b>Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Khoản 1</p>                 | <p>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có</p>  | <p>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự</p>  | <p>Điều 144.2 Luật Doanh nghiệp 2014<br/>Điều 140.2 Luật Doanh nghiệp 2014</p>            |

| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)  | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)  | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)  | Ghi chú<br>(5)   |
|-----------|---|---|---|--|
|           |   | mặt trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.   | họp tán thành   |  |
|           | Khoản 2   | Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ bảy mươi lăm (75%) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất bảy mươi lăm (75%) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). | Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65 % tổng số phiếu biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). | Điều 144.1 Luật Doanh nghiệp 2014<br>Điều 144.4 Luật Doanh nghiệp 2014 |
| 11        | Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị định của Đại hội đồng cổ đông |   |   |  |
|           | Khoản 3: Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:   |   |   | Điều 145.3 Luật Doanh nghiệp 2014                                      |



| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)  | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)   | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)  | Ghi chú<br>(5)                    |
|-----------|---|--|---|-----------------------------------|
|           |   | a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;   | a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;   |                                   |
|           |   | c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;   | c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;   |                                   |
|           | Khoản 4: Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây: | Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ; | a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;<br>b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.<br>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. | Điều 145.4 Luật Doanh nghiệp 2014 |




| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)  | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)   | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)   | Ghi chú<br>(5)                    |
|-----------|---|--|--|-----------------------------------|
|           | Khoản 5: Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: | <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty và của Người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và Người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> | <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, của Người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và Người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> | Điều 145.5 Luật Doanh nghiệp 2014 |
|           | Khoản 6   | Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.   | Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.   | Điều 145.6 Luật Doanh nghiệp 2014 |
|           | Khoản 8   | Quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất bảy mươi lăm (75)% tổng số phiếu biểu   | Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết  | Điều 144.4 Luật Doanh nghiệp 2014 |




| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)                    | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)   | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)  | Ghi chú<br>(5)                  |
|-----------|---|--|---|---------------------------------|
|           |   | quyết chấp thuận. Quyết định này có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.   | chấp thuận. Nghị quyết này có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.  |                                 |
| 12        | <b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b> | <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc, việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có). Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> | <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>c) Chương trình và nội dung cuộc họp;</li> <li>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</li> <li>đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</li> <li>e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</li> <li>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</li> <li>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</li> <li>i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</li> </ul> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước</p> | Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2014 |

| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)                                      | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)   | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)  | Ghi chú<br>(5)                  |
|-----------|---|--|---|---------------------------------|
|           |   |  | <p>ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> |                                 |
| 13        | <b>Điều 23a. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b> |  |   |                                 |
|           |   | <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> | <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>  | Điều 147 Luật Doanh nghiệp 2014 |
|           | Khoản 1   | <p>Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật</p>  | <p>Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ</p>   |                                 |




| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)  | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)   | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)  | Ghi chú<br>(5)                  |
|-----------|---|--|---|---------------------------------|
|           | Khoản 2   | <p>Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.<br/>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> | <p>trường hợp quy định tại Điều 17.7 Điều lệ này;</p> <p>Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>   |                                 |
| 14        | <b>Điều 23b: Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b>       | Không có   | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</li> <li>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</li> <li>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh Nghiệp 2014, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</li> </ol> | Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2014 |
| 15        | <b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b> |  |   |                                 |



| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2) | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)  | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)   | Ghi chú<br>(5)                  |
|-----------|--------------------------------|---|--|---------------------------------|
|           | Khoản 2.                       | <p>Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán</p> | <p>2a. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>i. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>ii. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty</p> <p>iii. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.</p> | Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2014 |
|           |                                |   | <p>2b. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:</p> <p>i. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>ii. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>iii. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh</p>   | Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2014 |

| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)  | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)  | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)  | Ghi chú<br>(5)                             |
|-----------|---|---|---|--|
|           |   |   | <p>ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;</p> <p>iv. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;</p> <p>v. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.</p>  |  |
|           |   |   | <p>2c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2b Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p> | <p>Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2014</p>     |
| 16        | <p><b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b></p>          |   |   |  |
|           | <p>Khoản 4: Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> | <p>c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công</p> | <p>c. Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng</p>  | <p>Điều 149.2.h Luật Doanh nghiệp 2014</p> |



| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)                     | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)  | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)  | Ghi chú<br>(5)                      |
|-----------|--|---|---|-------------------------------------|
|           |  | ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tó m công ty và liên doanh mà có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trở lên);   | giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp 2014.  |                                     |
| 17        | <b>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b> |   |   |                                     |
|           | Khoản 3  | <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;</p> <p>b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Đa số thành viên Ban kiểm soát.</p> | <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;</p> <p>b. Ít nhất hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Đa số thành viên Ban kiểm soát hoặc thành viên HĐQT độc lập</p> | Điều 153.4.c Luật Doanh nghiệp 2014 |
|           | Khoản 4  | Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp....   | Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp...   | Điều 153.5 Luật Doanh nghiệp 2014   |
|           | Khoản 7  | Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (5) ngày trước khi tổ chức họp,...   | Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp,...   | Điều 153.6 Luật Doanh nghiệp 2014   |
|           | Khoản 8  | b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn  | b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn  | Điều 153.8 Luật Doanh nghiệp        |



| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)   | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)   | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)  | Ghi chú<br>(5)  |
|-----------|--|--|---|---|
|           |  | mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất...  | bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất....  | 2014  |
|           | Khoản 15: Biên bản họp Hội đồng quản trị:  | Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. | Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. | Điều 154.1.i Luật Doanh nghiệp 2014   |
| 18        | Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành |  |   |   |
|           | Khoản 2.   | Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 05 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (nhưng không được quá 05 năm) và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang   | Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 05 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (nhưng không được quá 05 năm) và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.   | Điều 18.2<br>Luật Doanh nghiệp 2014 không cấm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần không được đồng thời là Tổng giám đốc hoặc Giám |



| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2)                                     | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)   | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)  | Ghi chú<br>(5)                      |
|-----------|--|--|---|-------------------------------------|
|           |  | thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản. Tổng giám đốc Công ty Cổ phần không được đồng thời là Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp khác.  |   | độc của doanh nghiệp khác.          |
| 19        | CHƯƠNG IX  | NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ   | NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ  |                                     |
|           | Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi |  |   |                                     |
| 20        | Khoản 2  | <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và Cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung thông báo bao gồm:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.</p> <p>b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên ba mươi lăm (35)% vốn điều lệ.</p> | <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và Cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung thông báo bao gồm:</p> <p>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.</p> <p>b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười (10)% vốn điều lệ.</p> | Điều 159.2.b Luật Doanh nghiệp 2014 |

| TT<br>(1) | Điều khoản<br>liên quan<br>(2) | Nội dung Điều lệ hiện tại<br>(3)  | Nội dung Điều lệ sau khi được<br>sửa đổi, bổ sung<br>(4)  | Ghi chú<br>(5)   |
|-----------|--------------------------------|---|---|--|
|           |                                | ...   | ...   |  |
| 21        | <b>Điều 36. Ban Kiểm soát</b>  |   |   |  |
|           | Khoản 1                        | Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:<br>... | Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:<br>... | Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2014. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát |